

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Mai Văn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2024/QĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 346/2024/QĐ-ST ngày 05/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ma Thị H**; sinh năm: 1987; địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Xóm B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**; Hiện cư trú tại: **K, 82515 wolfratshausen, CHLB Đ**, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Dương Quốc M**; sinh năm: 1992; địa chỉ: **Thôn L, xã T, huyện B**. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/9/2023, bản tự khai, nguyên đơn chị **Ma Thị H** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ma Thị H** và anh **Dương Quốc M** tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 10 năm 2021 tại **Đ1** tại **CHLB Đ**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh **M** về Việt Nam. Do có những rạn nứt trước đây và sau khi anh **M** về Việt Nam, do xa cách về địa lý, tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt dần, hai người không còn tình cảm nữa, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị **H** nhận thấy tình cảm không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Dương Quốc M.**

Về quan hệ con chung: Không có

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh **Dương Quốc M** trình bày tại bản tự khai ngày 05/6/2024:* Vợ chồng tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2021 tại **Đ2** tại **CHLB Đ.** Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì anh về Việt Nam. Do khoảng cách về địa lý, tình cảm vợ chồng phai nhạt và phát sinh mâu thuẫn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị **H**; Vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa vắng mặt chị **H** và anh **M.**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị **Ma Thị H** được ly hôn anh **Dương Quốc M**; về con chung và tài sản chung, không có nên không xem xét; về án phí ly hôn sơ thẩm chị **H** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Chị **H** là công dân Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang **Đ.** Đơn xin ly hôn và bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt được **Đ2** tại **CHLB Đ** chứng thực, anh **M** đang cư trú tại **thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.** Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho chị **H** ở nước ngoài theo quy định. Ngày 08/3/2024 Tòa án nhận được Công văn số 13/ĐSQ-UTTP ngày 16/02/2024 của **Đ2** tại **CHLB Đ** về việc tổng đạt văn bản cho đương sự ở nước ngoài và đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của **Đ2** tại **CHLB**

Đ; Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt có xác nhận của Đ2 tại CHLB Đ. Ngày 05/8/2024, Tòa án hoãn phiên tòa vì anh M vắng mặt lần thứ nhất. Tại phiên tòa hôm nay anh M tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 277, Điều 228, Điều 238, điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M và chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Ma Thị H và anh Dương Quốc M kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Đ2 tại CHLB Đ nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì anh M về Việt Nam và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh M ở Việt Nam và chị H ở Đức nên hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Ma Thị H được ly hôn anh Dương Quốc M.

[2.2] Về quan hệ con chung: Không có, nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[2.4] Về án phí, chi phí tố tụng: Chị Ma Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Chị H phải chịu 1.150.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp (đã nộp đủ tại Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, các Điều 147, 227, Điều 474, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị H được ly hôn anh Dương Quốc M.

2. Về quan hệ con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Ma Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số:

31AA/2021/0005613 ngày 24/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Chị **H** phải chịu 1.150.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp (đã nộp đủ tại Tòa án).

6. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: chị **Ma Thị H** có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh **Dương Quốc M** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB(P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS, HSV A;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thái Sơn